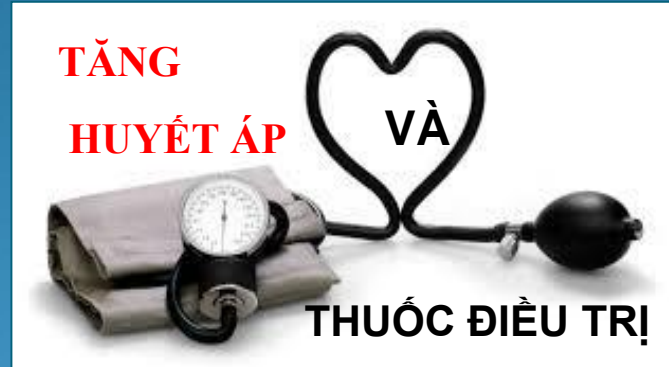




DOMESCO

# TĂNG HUYẾT ÁP



Biên soạn: Bs. Phạm Thị Ngọc Diệp

Biên tập : Trần Quốc Quang

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2015

# TĂNG HUYẾT ÁP



Thế nào là tăng huyết áp ?

Tăng huyết áp là khi : **Huyết áp tâm thu**  $\geq$  140 mmHg (HA tối đa)

và/hoặc

**Huyết áp tâm trương**  $\geq$  90mmHg (HA tối thiểu)



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Phân loại:

- Tăng huyết áp vô căn (nguyên phát): là THA không tìm được nguyên nhân chiếm 80-85%
- Tăng huyết áp thứ phát : do thận, do bệnh tim mạch , do thuốc.
- Tăng huyết áp nhóm đặc biệt:
  - + THA ở bệnh nhân tiểu đường
  - + THA ở bệnh nhân có bệnh thận
  - + THA ở phụ nữ có thai
  - + THA tâm thu ở người cao tuổi
  - + THA người trẻ
  - + THA kháng trị...



# TĂNG HUYẾT ÁP



Phân độ HA theo JNC VI, VII, khuyến cáo của hội tim mạch VN 2007 đưa ra:

## Phân loại THA theo con số HA

Phân loại	HA tâm thu (mmHg)	HA tâm trương (mmHg)
HA tối ưu	< 120	< 80
HA bình thường	< 130	< 85
HA bình thường cao	130 – 139	85 – 89
THA độ I	140 – 159	90 – 99
THA độ II	160 – 179	100 – 109
THA độ III	≥ 180	≥ 110
THA tâm thu đơn độc	≥ 140	< 90

# TĂNG HUYẾT ÁP



## Điều trị như thế nào?

### 1. Điều trị không dùng thuốc

**Thay đổi lối sống** làm giảm HA và nguy cơ bệnh tim mạch:

- Giảm cân nặng (duy trì BMI từ 18,5 đến 22,9 kg/m<sup>2</sup>)
- Hạn chế ăn mặn (< 6 gam muối hoặc 1 thìa café muối/ ngày)
- Tăng cường vận động thể lực đều đặn mỗi 30 – 60 phút/ngày
- Ăn nhiều rau quả
- Hạn chế uống bia rượu, các chất kích thích
- Ngưng hoàn toàn việc hút thuốc lá, thuốc lào
- Tránh các TĂ chứa nhiều cholesterol, acid béo no



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Điều trị như thế nào?

2. Loại bỏ hoặc điều trị tích cực các nguyên nhân gây THA
3. Điều trị bằng thuốc

### \* Nguyên tắc:

- Dùng một loại thuốc quen thuộc
- Dùng liều nhỏ khởi đầu, sau tăng liều cho đến khi đạt hiệu quả kiểm soát HA
- Khi loại thuốc đó không còn đáp ứng thì mới thay hoặc phối hợp với loại thuốc khác
- Dùng phối hợp nhiều loại thuốc hạ áp trong THA cấp cứu, nặng và ác tính
- Xem xét giá thành thuốc để bệnh nhân điều trị lâu dài

# TĂNG HUYẾT ÁP



HUYẾT ÁP MỤC TIÊU



**140/90 mmHg**

( $< 130/80$  mmHg nếu có đái tháo đường hoặc bệnh thận mạn tính)



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Các nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp trong danh mục của DOMESCO

Stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên biệt dược
1	<b>Nhóm ức chế men chuyển</b>	Captopril 25 mg	<b>Captopril</b>
2			<b>Dotorin (A1*)</b>
3		Imidapril 10 mg	<b>Palexus 10</b>
4		Enalapril 5 mg	<b>Enalapril</b>
5		Perindopril tert – butylamin 4 mg	<b>Dorover (A1*)</b>
6		Lisinopril 5 mg	<b>Lisinopril</b>
7		Lisinopril 10 mg Lisinopril 20 mg	<b>Dorotril 10 mg</b> <b>Dorotril 20 mg</b>
8	<b>Nhóm chặn thụ thể angiotensin II</b>	Losartan 25 mg, 50mg	<b>Losartan 25, 50 mg (A1*)</b>
9		Valsartan 80 mg	<b>Doraval 80, 160</b>
10		Irbesartan 150 mg	<b>Irbesartan</b>
11		Irbesartan 300 mg	<b>Dovel 300 mg</b>



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Các nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp trong danh mục của DOMESCO

Stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên biệt dược
	<b>Nhóm chẹn beta giao cảm</b>		
12	Chẹn beta giao cảm <b>không chọn lọc</b>	Propranolol HCL 40 mg	<b>Dorocardyl</b>
13	Chẹn beta giao cảm <b>chọn lọc</b>	Bisoprolol 2,5 mg Bisoprolol 5 mg	<b>Domecor 2,5 mg</b> <b>Domecor 5 mg</b>
14	<b>Nhóm chẹn kênh canxi</b>	Amlodipin 5 mg	<b>Amlodipin (A1*)</b>
15	<b>Nhóm ức chế thần kinh trung ương- liệt giao cảm</b>	Methyldopa 250 mg	<b>Domepa 250 mg</b>

# TĂNG HUYẾT ÁP



## Các nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp trong danh mục của DOMESCO

Stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên biệt dược
16	<b>Nhóm thuốc lợi tiểu</b> Nhóm ức chế aldosterol (giữ K <sup>+</sup> )	Spironolactol 25 mg	<b>Domever 25 mg</b>
17	<b>Nhóm phối hợp làm tăng tác dụng hạ áp</b>	Bisoprolol fumarat 2,5mg; Hydrochlorothiazid 6,25mg	<b>Domecor plus (A1*)</b>
18		Irbesartan 150mg; Hydrochlorothiazide 12,5	<b>Co-Dovel</b>
19		Lisinopril 20mg; Hydrochlorothiazide 12,5	<b>Dorotril-H</b>



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Tác dụng điều trị cụ thể:

<b>Nhóm ức chế men chuyển</b>	<b>Tác dụng điều trị</b>	<b>Ghi chú</b>
Lisinopril 5 mg, 10 mg, 20mg	<b>Tăng huyết áp + suy tim sung huyết + bệnh thận do đái tháo đường</b>	Có thể làm tăng kali huyết trong trường hợp bổ sung kali
Dotorin Captopril 25 mg		<b>Tác dụng phụ:</b>
Palexus 10		Có thể gây <b>phù mạch, ho</b>
Dorover		<b>khan kéo dài</b>
Enalapril		



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Tác dụng điều trị cụ thể:

<b>Nhóm chẹn thụ thể angiotensin II</b>	<b>Tác dụng điều trị</b>	<b>Ghi chú</b>
Losartan 25, 50 mg	<b>Tăng huyết áp + suy tim</b>	<b>Không gây ho khan</b>
Doraval		
Irbesartan Dovel 300 mg		

# TĂNG HUYẾT ÁP



## Tác dụng điều trị cụ thể:

<b>Nhóm chẹn beta giao cảm</b>	<b>Tác dụng điều trị</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Không chọn lọc</b> Dorocardyl	<b>Tăng huyết áp + đau thắt ngực do xơ vữa mạch, loạn nhịp tim</b>	<b>Điều trị loạn nhịp ở bệnh nhân cường giáp</b>
<b>Có chọn lọc</b> Domecor 2,5 mg Domecor 5 mg	<b>Tăng huyết áp + suy tim mạn tính + đau thắt ngực</b>	



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Tác dụng điều trị cụ thể:

Nhóm chẹn kênh canxi	Tác dụng điều trị	Ghi chú
Amlodipin	Tăng huyết áp + đau thắt ngực + bệnh nhân có đái tháo đường	
Nhóm ức chế TK trung ương – liệt giao cảm		
Domepa 250 mg	Tăng huyết áp ở người mang thai	



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Tác dụng điều trị cụ thể:

Nhóm thuốc lợi tiểu	Tác dụng điều trị	Ghi chú
Domever 25 mg	Điều trị tăng huyết áp khi cách điều trị khác kém tác dụng hoặc không thích hợp	Cổ trướng do xơ gan Tăng aldosterol nguyên phát
<b>Nhóm phối hợp làm tăng tác dụng hạ áp</b>		
Domecor plus	<b>Điều trị tăng huyết áp nguyên phát cho các bệnh nhân không kiểm soát được với đơn trị.</b>	
Co-Dovel		
Dorotril-H		

# TĂNG HUYẾT ÁP



## Tóm tắt:

Điều trị	Nhóm	Thuốc
<b>Tăng huyết áp</b> + <b>Suy tim</b> + <b>Đái tháo đường</b>	- Nhóm ức chế men chuyển - Nhóm ức chế thụ thể Angiotensin II - Nhóm chặn kênh canxi	Captopril, Dotorin, Palexus 10, Enalapril, Dorover, Lisinopril, Losartan, Doraval, Irbesatan, Dovel
<b>Tăng huyết áp</b> + <b>Đau thắt ngực</b> + <b>Suy tim</b>	- Nhóm chặn beta giao cảm không chọn lọc và có chọn lọc	Dorocardyl , Domecor
<b>Tăng huyết áp cho phụ nữ có thai</b>	- Nhóm ức chế TK trung ương – liệt giao cảm	Domepa
<b>Tăng huyết áp vô căn</b>	- Nhóm ức chế thụ thể angiotensin II - Nhóm phối hợp làm tăng tác dụng hạ áp	Ibersatan, Dovel Domecor plus Co-Dovel Dorotril H



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Phối hợp thuốc dựa trên cơ chế tác dụng sinh lý bệnh

### Nhìn chung thuốc tác dụng qua 3 cơ chế:

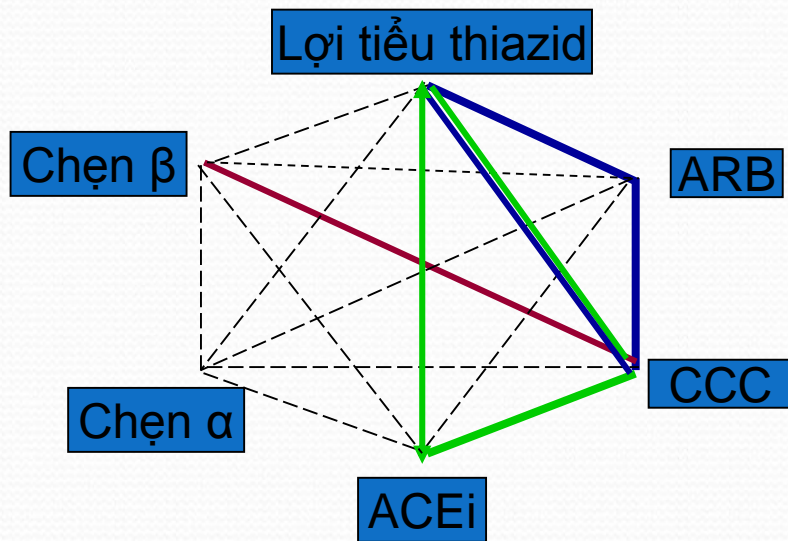
- Giảm thể tích : Lợi tiểu
- Giảm tần số tim : Chẹn beta, chẹn kênh calcium
- Giảm kháng lực ngoại biên : Dẫn mạch do ức chế hệ renin angiotensin (ức chế men chuyển, ức chế thụ thể)



# TĂNG HUYẾT ÁP



## Phối hợp thuốc trong điều trị tăng huyết áp



ARB: chẹn thụ thể angiotansin II

ACEi: ức chế men chuyển

CCC: chẹn kênh calci

### Phối hợp 2 thuốc:

Lợi tiểu thiazid + ACEi/ ARB

ACEi/ ARB + CCC

### Phối hợp 3 thuốc:

Lợi tiểu thiazid + ACEi/ ARB + CCC

Theo ESH – ESC 2007

Hiện nay, sự phối hợp giữa **telmisartan** + **amlodipin** đạt hiệu quả cao ở bệnh nhân tăng huyết áp, đái tháo đường tuýp 2, béo phì hoặc lớn tuổi & THA tâm thu đơn độc.

# NHÓM CHẶN KÊNH CANXI



## Amlodipin 5 mg

- Hộp 3 vỉ × 10 viên
- Dạng bào chế: viên nang
- Liều lượng: 2,5 – 10 mg/lần/ngày
- Giá có VAT : 17.250 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Dùng cho tất cả các tuyến y tế



# NHÓM Ức CHẾ MEN CHUYỂN



## Captopril 25 mg

- Hộp 1 vỉ x10 viên
- Hộp 10 vỉ x10 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 50 – 100 mg/chia 2 lần/ngày
- Giá có VAT : 43.500 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:  
Dùng cho tất cả các tuyến y tế

## Perindopril tert –butylamin 4 mg

- Hộp 1 vỉ x10 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 4 – 10 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 96.900 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:  
Dùng cho tất cả các tuyến y tế



# NHÓM Ức CHẾ MEN CHUYỂN



## Imidapril hydrochlorid 10 mg

- Hộp 10 vỉ ×10 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 5 – 10 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 162.000 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:  
Bệnh viện tuyến đặc biệt, I, II, III, IV

## Captopril 25 mg

- Hộp 10 vỉ ×10 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 50 – 100 mg/chia 2 lần/ngày
- Giá có VAT : 33.000 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:  
Dùng cho tất cả các tuyến y tế





# NHÓM ỨC CHẾ MEN CHUYỂN



## Lisinopril 5 mg

- Hộp 3 vỉ ×10 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 5 – 40 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 41.550 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:  
Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

## Lisinopril 10 mg

- Hộp 2 vỉ ×14 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 5 – 40 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 45.080 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:  
-Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV



# NHÓM Ức CHẾ MEN CHUYỂN



## Lisinopril 20 mg

- Hộp 2 vỉ ×14 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 5 – 40 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 85.260 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

## Enalapril maleate 5 mg

- Hộp 3 vỉ ×10 viên
  - Dạng bào chế: viên nén
  - Liều lượng: 5 – 40 mg/chia 2 lần/ngày
  - Giá có VAT : 24.900 đ
  - Danh mục thuốc chủ yếu:
- Dùng cho tất cả các tuyến y tế





# NHÓM ỨC CHẾ THỤ THỂ ANGIOTENSIN II



## Losartan 25 mg

- Hộp 1, 2, 10 vỉ x 10 viên
- Dạng bào chế: viên bao phim
- Liều lượng: 25 – 100 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 23.100 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

## Losartan 50 mg

- Hộp 1, 2, 10 vỉ x 10 viên
- Dạng bào chế: viên bao phim
- Liều lượng: 25 – 100 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 39.300 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV



# NHÓM Ức CHẾ THỤ THỂ ANGIOTENSIN II



## Valsartan 80 mg

- Hộp 2 vỉ x 14 viên
- Dạng bào chế: viên nén bao phim
- Liều lượng: 40 – 320 mg/1-2 lần/ngày
- Giá có VAT : 128.800đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

## Valsartan 160 mg

- Hộp 2 vỉ x 14 viên
- Dạng bào chế: viên nén bao phim
- Liều lượng: 40 – 320 mg/1-2 lần/ngày
- Giá có VAT : 210.000 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV





# NHÓM ỨC CHẾ THỤ THỂ ANGIOTENSIN II



## Irbesartan 150 mg

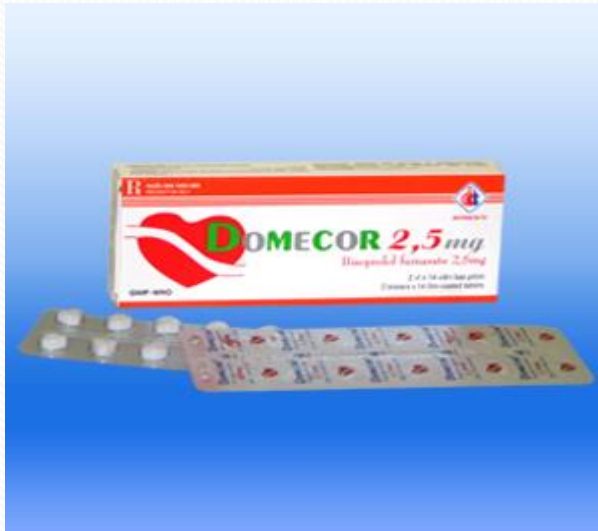
- Hộp 2 vỉ x 14 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 50 – 300 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT :108.640 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

## Irbesartan 300 mg

- Hộp 2 vỉ x 14 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 50 – 300 mg/1 lần/ngày
- Giá có VAT : 168.000 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV



# NHÓM CHẸN BETA



## Bisoprolol fumarat

- Hộp 2 vỉ × 14 viên
- Dạng bào chế: viên nén bao phim
- Liều lượng: 2,5 – 10 mg/lần/ngày
- Giá có VAT : 56.000 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

## Bisoprolol fumarat

- Hộp 3 vỉ × 10 viên
- Dạng bào chế: viên nén bao phim
- Liều lượng: 2,5 – 10 mg/lần/ngày
- Giá có VAT : 66.450 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV





# NHÓM CHẸN BETA



## Propranolol hydrochlorid 40 mg

- Hộp chai 100 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 40 – 160 mg/ngày
- Giá có VAT : 27.300 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Dùng cho tất cả các tuyến y tế

# NHÓM TÁC ĐỘNG LÊN TK GIAO CẢM TW



## Methyldopa

- Hộp 10 vỉ × 10 viên
- Dạng bào chế: viên nén bao phim
- Liều lượng: 250 – 1000 mg/2 lần/ngày
- Giá có VAT : 171.000 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Dùng cho tất cả các tuyến y tế



# NHÓM LỢI TIỂU



## Spironolacton 25 mg

- Hộp 2 vỉ × 10 viên
- Dạng bào chế: viên nén
- Liều lượng: 25 – 50 mg/1lần/ngày
- Giá có VAT : 40.040 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Dùng cho tất cả các tuyến y tế



# THUỐC PHỐI HỢP Ư'CMC + LỢI TIỂU



**Perindopril tert –butylamin 4 mg**

**Hydrochlorothiazid 1,25 mg**

-Hộp 2 vỉ × 14 viên

-Dạng bào chế: viên nén dài

-Liều lượng: 1 viên/1lần/ngày

-Giá có VAT : 105.600 đ

-Danh mục thuốc chủ yếu:

-Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

**Lisinopril 20 mg;**

**Hydrochlorothiazid 12,5 mg**

-Hộp 2 vỉ × 14 viên

-Dạng bào chế: viên nén dài

-Liều lượng: 1 viên/1lần/ngày

-Giá có VAT : 99.064 đ

-Danh mục thuốc chủ yếu:

-Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV





# THUỐC PHỐI HỢP ỨCTT + LỢI TIỂU



**Irbesartan 150 mg;  
Hydrochlorothiazid 12,5 mg**

- Hộp 2 vỉ × 14 viên
- Dạng bào chế: viên nén dài
- Liều lượng: 1 viên/1lần/ngày
- Giá có VAT : 215.432 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV

# THUỐC PHỐI HỢP CHẸN BETA + LỢI TIỂU



**Bisoprolol fumarat 2,5 mg;  
Hydrochlorothiazid 6,25 mg**

- Hộp 3 vỉ × 10 viên
- Dạng bào chế: viên nén bao phim
- Liều lượng: 1 viên/1lần/ngày
- Giá có VAT : 98.280 đ
- Danh mục thuốc chủ yếu:
- Bệnh viện hạng đặc biệt, I, II, III, IV



# CÂU HỎI



**Câu 1:** Tăng huyết áp khi:

- a. HA tâm thu  $\leq$  130 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $\geq$  90 mg
- b. HA tâm thu  $\geq$  130 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $\geq$  90 mg
- c. HA tâm thu  $\geq$  140 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $\geq$  90 mg
- d. HA tâm thu  $\leq$  140 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $\geq$  90 mg

**Câu 2:** Tăng huyết áp tâm thu đơn độc khi :

- a. HA tâm thu  $\geq$  140 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $>$  90 mmHg
- b. HA tâm thu  $\geq$  140 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $<$  90 mmHg
- c. HA tâm thu  $\geq$  130 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $<$  90 mmHg
- d. HA tâm thu  $\geq$  130 mmHg và/hoặc HA tâm trương  $>$  90 mmHg

**Câu 3:** Nguyên tắc điều trị tăng huyết áp:

- a. Dùng một loại thuốc quen thuộc
- b. Dùng liều lớn khởi đầu, sau giảm liều cho đến khi đạt hiệu quả kiểm soát huyết áp
- c. Khi loại thuốc đó không còn đáp ứng thì mới thay hoặc phối hợp với loại thuốc khác
- d. a & c đúng

# CÂU HỎI



**Câu 4 :** Huyết áp mục tiêu :

a.  $\geq 140/90$  mmHg

b.  $\leq 140/90$  mmHg

c.  $\geq 135/85$  mmHg

d.  $\leq 130/85$  mmHg

**Câu 5:** Sản phẩm điều trị tăng huyết áp nào sau đây thuộc nhóm ức chế men chuyển:

a. Dotorin

b. Dovel 300 mg

c. Domecor 5 mg

d. Amlodipin 5 mg

**Câu 6:** Sản phẩm điều trị tăng huyết áp nào sau đây thuộc nhóm ức chế thụ thể angiotensin II:

a. Dorotril 10 mg

b. Doraval

c. Dorocardyl

d. Domepa

**Câu 7:** Nêu tên 2 sản phẩm của Domesco cho việc điều trị tăng huyết áp và đau thắt ngực



# CÂU HỎI



**Câu 8:** Sản phẩm điều trị tăng huyết áp nào sau đây dùng được cho phụ nữ có thai

a. Palexus 10 mg

b. Irbesartan 150 mg

c. Domepa

d. Domecor 5mg

**Câu 9:** Nêu tên 5 sản phẩm của Domesco trong điều trị tăng huyết áp vô căn

**Câu 10:** Nêu tên 8 sản phẩm của Domesco trong điều trị tăng huyết áp và bị đái tháo đường